

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Rất: 0%

Môn học: Công nghệ sản xuất bánh kẹo
(23036801)

Ngày thi: 07/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A304

Cán bộ coi thi 1: *Ng Thi Thanh*
Cán bộ coi thi 2: *Ng Chí Chanh*
G.Viên chấm thi 1: *Đương Thị Thuý*
G.Viên chấm thi 2: *Phạm Thái Huyền*

Số SV có mặt: 34
Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123210022	Cao Ngọc Thúy	An	08/05/2005	CCQ2321A	357	<i>Ng Thi Thanh</i>	7,1	7,8	7,5
2	2123210043	Nguyễn Thiện	Ân	24/05/2005	CCQ2321B	209	<i>Ng Chí Chanh</i>	8,6	8,6	
3	2123210196	Trần Thanh	Ân	05/11/2002	CCQ2321A	132	<i>An</i>	7,7	8,2	8,0
4	2123210004	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	24/06/2000	CCQ2321A	485	<i>Đương Thị Thuý</i>	8,7	5,4	6,7
5	2123210068	Trịnh Thị Lan	Anh	08/09/2005	CCQ2321B	357	<i>Anh</i>	7,9	8,0	8,0
6	2123210051	Phạm Thái	Bảo	28/11/2005	CCQ2321B	209	<i>Bảo</i>	8,2	7,6	7,8
7	2123210067	Nguyễn Chí	Cường	02/01/2005	CCQ2321B	132	<i>Cường</i>	8,4	8,8	8,6
8	2123210002	Bùi Thị Thùy	Dương	07/02/2004	CCQ2321A	485	<i>Dương</i>	6,5	9,2	8,1
9	2123210035	Nguyễn Quốc	Dương	31/05/2005	CCQ2321A	132	<i>Quốc</i>	7,9	7,2	7,5
10	2123210029	Vũ Dương Hồng	Duyên	11/11/2005	CCQ2321A	209	<i>Duyên</i>	7,7	6,8	7,2
11	2123210028	Nguyễn Hương	Giang	21/10/2005	CCQ2321A	357	<i>Hương</i>	7,9	8,6	8,3
12	2123210038	Bùi Gia Bảo	Hân	13/11/2005	CCQ2321B	485	<i>Hân</i>	7,7	8,0	7,9
13	2123210057	Tô Thị Thanh	Hân	16/03/2005	CCQ2321B	132	<i>Thanh</i>	8,3	8,8	8,6
14	2123210037	Đỗ Thị Như	Hoài	27/01/2005	CCQ2321B	209	<i>Hoài</i>	7,1	6,4	6,7
15	2123210049	Nguyễn Mỹ	Hoàng	19/12/2005	CCQ2321B	132	<i>Mỹ</i>	7,6	8,6	8,2
16	2123210030	Nguyễn Tấn	Hoàng	17/08/2005	CCQ2321A	485	<i>Tấn</i>	7,1	7,6	7,4
17	2123210013	Nguyễn Thị Diễm	Hương	29/12/2005	CCQ2321A	357	<i>Diễm</i>	7,5	6,6	7,0
18	2123210025	Nguyễn Thị Ý	Hương	09/12/2005	CCQ2321A	209	<i>Ý</i>	8,1	7,8	7,9
19	2123210026	Phạm Thị Thanh	Hương	31/05/2005	CCQ2321A	132	<i>Thanh</i>	8,0	8,4	8,2
20	2123210053	Nguyễn Gia	Huy	13/11/2005	CCQ2321B	485	<i>Gia</i>	7,4	7,4	7,4
21	2123210020	Nguyễn Bảo	Khang	05/04/2005	CCQ2321A	357	<i>Bảo</i>	7,9	7,0	7,4
22	2123210058	Ngô Chí	Khanh	16/07/2005	CCQ2321B	209	<i>Chí</i>	7,9	7,8	7,8
23	2123210032	Lê Tuấn	Kiệt	03/07/2005	CCQ2321A	357	<i>Tuấn</i>	7,5	8,0	7,8
24	2123210033	Trần Thị Mộng	Kiều	25/09/2005	CCQ2321A	485	<i>Mộng</i>	8,1	7,2	7,6
25	2123210109	Huỳnh Thị Trúc	Linh	10/08/2005	CCQ2321A	132	<i>Trúc</i>	7,9	8,4	8,2
26	2123210012	Nguyễn Thị Kiều	Linh	18/12/2005	CCQ2321A	209	<i>Kiều</i>	7,9	8,2	8,1
27	2123210046	Nguyễn Văn	Lộc	21/01/2005	CCQ2321B	357	<i>Lộc</i>	7,7	7,8	7,8
28	2123210052	Đặng Thị Khánh	Ly	02/11/2005	CCQ2321B	485	<i>Khánh</i>	7,0	8,8	8,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học: Công nghệ sản xuất bánh kẹo
(23036801)

Ngày thi: 07/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 34
Số bài thi: 54
Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123210044	Nguyễn Thị Thanh	Ly	01/07/2005	CCQ2321B	209	ly	7,1	7,6	7,4	
30	2123210031	Trần Công	Minh	21/12/2005	CCQ2321A	132	ly	8,1	4,2	5,8	
31	2123210041	Nguyễn Thị Trà	My	24/05/2005	CCQ2321B	485	ly	7,1	7,6	7,4	
32	2123210059	Nguyễn Thị Yến	My	07/10/2005	CCQ2321B	357	ly	7,0	7,2	7,1	
33	2123210056	Đỗ Thị Tuyết	Ngân	10/09/2005	CCQ2321B	209	Ngan	7,9	6,6	7,1	
34	2123210001	Hoàng Cẩm	Ngân	11/10/2004	CCQ2321A	132	ly	8,1	7,2	7,6	

Rất: 0%

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Viết Hết Lm

2

Hg2

Sg

Môn học: Công nghệ sản xuất bánh kẹo
(23036801)

Ngày thi: 07/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: *32*
Số bài thi: *32*...
Số tờ giấy thi: *32*

Đinh Thanh Huyền

*Trần Hoàng
Nguyễn*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123210027	Trịnh Ngọc Thanh	Ngân	23/12/2005	CCQ2321A	357	<i>lyn</i>	7,4	8,2	7,9	
2	2123210061	Nguyễn Như	Ngọc	14/03/2005	CCQ2321B	485	<i>Như</i>	7,6	4,8	5,9	
3	2123210050	Trần Minh	Ngọc	28/01/2005	CCQ2321B	132	<i>chyan</i>	8,6	8,0	8,2	
4	2123040031	Phan Thành	Nhân	30/01/2005	CCQ2321A			0,0			
5	2123210054	Đỗ Quỳnh	Như	17/04/2005	CCQ2321B	357	<i>Như</i>	8,1	8,8	8,5	
6	2123210039	Huỳnh Thị Kim	Như	12/02/2005	CCQ2321B	485	<i>Như</i>	8,2	7,6	7,8	
7	2123210018	Cao Hoàng	Oanh	12/08/2004	CCQ2321A	132	<i>Oanh</i>	7,2	7,6	7,4	
8	2123210034	Lương Thu	Phương	09/09/2003	CCQ2321A	485	<i>Phuong</i>	7,4	7,2	7,3	
9	2123210021	Nguyễn Thị Bích	Phương	18/12/2005	CCQ2321A	357	<i>Bích</i>	8,3	8,6	8,5	
10	2123210070	Nguyễn Minh	Quân	18/10/2005	CCQ2321B	209	<i>Quang</i>	7,6	7,6	7,6	
11	2123210008	Bùi Thanh	Quý	15/04/2005	CCQ2321A	132	<i>Quý</i>	8,1	8,6	8,4	
12	2123210055	Phạm Thị Như	Quỳnh	05/03/2005	CCQ2321B			0,0			
13	2123210005	Vũ Ngọc	Son	29/09/2000	CCQ2321A	357	<i>SON</i>	7,9	8,2	8,1	
14	2123210024	Nguyễn Thanh	Thảo	02/11/2005	CCQ2321A	209	<i>Thảo</i>	8,4	7,0	7,6	
15	2123210023	Nguyễn Thị Kim	Thảo	13/09/2005	CCQ2321A	132	<i>Thảo</i>	7,7	7,8	7,8	
16	2123210040	Trần Thị Cẩm	Thu	18/03/2005	CCQ2321B	209	<i>CamThu</i>	8,4	8,0	8,2	
17	2123210036	Trần Thị Minh	Thư	09/10/2005	CCQ2321A	357	<i>Thư</i>	8,2	9,4	8,9	
18	2123210019	Nguyễn Thị Minh	Thủy	29/07/2005	CCQ2321A	485	<i>Thủy</i>	8,4	8,8	8,6	
19	2123210045	Nguyễn Thị Thu	Thủy	23/06/2005	CCQ2321B	132	<i>Thủy</i>	7,6	8,0	7,8	
20	2123210069	Vi Thị Thu	Thủy	28/11/2005	CCQ2321B	209	<i>Thuy</i>	7,1	8,4	7,9	
21	2123210048	Lê Thị Kiều	Tiên	04/09/2005	CCQ2321B	357	<i>tiên</i>	7,2	7,6	7,4	
22	2123210145	Nguyễn Cẩm	Tiên	04/07/2005	CCQ2321B	209	<i>ken</i>	7,6	5,8	6,5	
23	2123210007	Lê Thị Bích	Trâm	20/10/2003	CCQ2321A	132	<i>Trâm</i>	7,7	7,8	7,8	
24	2123210011	Hồ Thị Ngọc	Trân	01/11/2005	CCQ2321A	485	<i>trân</i>	8,2	7,2	7,6	
25	2123210062	Đoàn Thị Thu	Trang	01/11/2005	CCQ2321B	357	<i>Trang</i>	8,4	7,8	8,0	
26	2123210065	Lê Thị Huyền	Trang	16/07/2005	CCQ2321B	209	<i>Trang</i>	8,2	8,6	8,4	
27	2123210017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2005	CCQ2321A	132	<i>Trang</i>	6,8	7,0	6,9	
28	2123210060	Trần Thị Huyền	Trang	24/06/2005	CCQ2321B	485	<i>Trang</i>	8,1	8,4	8,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học: Công nghệ sản xuất bánh kẹo
(23036801)

Ngày thi: 07/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Can
co thi 1

Can
co thi 2

Hyun
Phan Thanh Hyun

SG
Phan Thuong
Nguyen

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123210071	Ngô Thùy	Trinh	26/12/2005	CCQ2321B	357	<i>Trinh</i>	8,4	7,6	7,9	
30	2123210016	Nguyễn Thanh	Trúc	13/12/2005	CCQ2321A	185	<i>Truc</i>	8,6	8,4	8,5	
31	2123210009	Nguyễn Phạm Ngọc	Tuyền	24/12/2005	CCQ2321A	132	<i>Tuyen</i>	8,1	7,6	7,8	
32	2123210066	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	26/10/2005	CCQ2321B	209	<i>Bich</i>	8,4	8,6	8,5	
33	2123210063	Nguyễn Thị Thu	Tuyết	18/08/2005	CCQ2321B	357	<i>Tuyet</i>	7,9	9,0	8,6	
34	2123210042	Trần Tường	Vy	03/11/2004	CCQ2321B	485	<i>Tuong</i>	7,7	6,2	6,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ sản xuất bánh kẹo
(23036803)

Ngày thi: 07/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A401

Số SV có mặt:....81
Số bài thi:31
Số tờ giấy thi:....31

[Handwritten signatures and names of examiners and supervisors]
Tô Thu Mỹ Hạnh
L.T.T. Anh
Trần Phạm Duy Phúc
Trần Hoàng Nguyên

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123210095	Nguyễn Quỳnh Anh	13/12/2005	CCQ2321C	209	Anh	8,5	8.0	8.2	
2	2123210079	Nguyễn Thị Quế Anh	21/09/2005	CCQ2321C	485	Quế Anh	8,8	7.4	8.0	
3	2123210075	Mai Thị Ánh	28/11/2005	CCQ2321C	209	Anh	8,5	5.4	6.6	
4	2123210081	Phạm Thị Ngọc Chính	01/02/2005	CCQ2321C	485	Chị	8,0	8.8	8.5	
5	2123210072	Ngô Đặng Thành Đạt	30/07/2005	CCQ2321C	209	Dat	8,5	7.4	7.8	
6	2123210103	Đỗ Thị Bích Diễm	09/06/2005	CCQ2321C	485	Diễm	8,9	8.2	8.5	
7	2123210118	Hồ Thị Diệu	04/04/2005	CCQ2321D	132	Thi Diệu	8,3	7.8	8.0	
8	2123210108	Võ Thị Thùy Dung	26/04/2005	CCQ2321C	357	Dung	8,5	6.0	7.0	
9	2123210135	Trương Văn Dũng	24/09/2005	CCQ2321D	132	Dũng	8,6	8.0	8.2	
10	2123210111	Nguyễn Thị Tường Duy	13/11/2005	CCQ2321D	357	Duy	8,8	5.8	7.0	
11	2123210073	Phạm Thu Duyên	20/07/2005	CCQ2321C	132	Duyên	8,3	8.4	8.4	
12	2123210099	Vũ Hồng Duyên	18/11/2005	CCQ2321C	357	Duyen	8,6	4.0	5.8	
13	2123210085	Hồ Thị Quỳnh Giao	19/06/2005	CCQ2321C	485	Giao	8,3	6.2	7.0	
14	2123210182	Khúc Ngọc Hà	23/03/2005	CCQ2321D	209	Hà	9,0	4.8	6.5	
15	2123210132	Nguyễn Hoài Hân	23/04/2005	CCQ2321D	485	Hân	8,5	8.4	8.4	
16	2123210104	Đặng Thị Hằng	22/12/2004	CCQ2321C	209	Hằng	9,1	6.4	7.5	
17	2123210086	Lê Đỗ Phương Hằng	25/03/2005	CCQ2321C	485	Hằng	9,0	5.2	6.7	
18	2123210110	Lê Thị Thanh Hằng	09/12/2005	CCQ2321D	209	Hằng	8,0	4.6	6.0	
19	2123210092	Lê Thị Hồng Hạnh	10/09/2005	CCQ2321C	357	Hạnh	8,8	5.2	6.6	
20	2123210136	Lê Ngọc Hiền	28/04/2005	CCQ2321D	132	Hiền	8,9	9.4	9.2	
21	2123210083	Nguyễn Văn Hoàn	11/07/2005	CCQ2321C	357	Hoàn	8,9	7.6	8.1	
22	2123210148	Chu Thị Hồng Huệ	09/08/2005	CCQ2321D	132	Huê	8,8	4.8	6.4	
23	2123210084	Đặng Thị Thu Hương	15/02/2003	CCQ2321C	357	Hương	8,6	6.8	7.5	
24	2123210133	Nguyễn Thị Yến Khoa	13/10/2005	CCQ2321D	132	Khoa	9,1	9.2	9.2	
25	2123210142	Trần Thanh Khoa	19/11/2005	CCQ2321D	209	Khoa	8,1	4.8	6.1	
26	2123210094	Nguyễn Thị Diễm Kiều	28/09/2005	CCQ2321C	132	Kiều	8,5	8.2	8.3	
27	2123210076	Từ Thị Lan	28/02/2005	CCQ2321C	485	Lan	8,9	6.0	7.2	
28	2123210116	La Thị Trúc Linh	04/02/2005	CCQ2321D	357	Linh	8,6	5.0	6.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học: Công nghệ sản xuất bánh kẹo
(23036803)

Ngày thi: 07/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A401

Số SV có mặt: 31.

Số bài thi:31.

Số tờ giấy thi: 31.

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2


Tô Thị Mỹ Hằng
Trần Hương Nguyên
Tăng Phan Duy Phước

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123210180	Tô Ngọc	Lộc	07/03/2005	CCQ2321C	209	Lộc	8,5	6,8	7,5	
30	2123210140	Lê Thị Trúc	Ly	21/09/2005	CCQ2321D	132	Trúc	9,0	7,0	7,8	
31	2123210121	Nguyễn Thị Khánh	My	12/09/2005	CCQ2321D	485	My	8,3	7,2	7,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ sản xuất bánh kẹo
(23036803)

Ngày thi: 07/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A402

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123210119	Châu Thị Ly	Na	02/08/2005	CCQ2321D	209	Na	8,4	6.6	73
2	2123210137	Đỗ Thị Bích	Ngọc	21/08/2005	CCQ2321D	132	Ngọc	8,4	8.4	84
3	2123210144	Lê Hoàng	Nhã	01/03/2005	CCQ2321D	485	Nhã	8,9	7.6	81
4	2123210195	Nguyễn Thanh	Nhân	07/07/2004	CCQ2321D	352	Nhân	8,9	5.0	66
5	2123210117	Nguyễn Thị Khánh	Nhi	11/08/2005	CCQ2321D	209	Nhi	8,5	7.6	80
6	2123210101	Võ Huỳnh	Như	20/12/2005	CCQ2321C	132	Như	8,6	9.2	90
7	2123210130	Nguyễn An	Ninh	20/11/2005	CCQ2321D	485	Ninh	8,5	6.6	74
8	2123210129	Mai Thị	Nương	02/04/2005	CCQ2321D	357	Nương	9,1	7.4	81
9	2123210102	Nguyễn Thị Den	Ny	03/05/2005	CCQ2321C	485	Ny	8,5	8.2	83
10	2123210098	Nguyễn Minh	Quang	17/10/2005	CCQ2321C	132	Quang	8,3	7.8	80
11	2123210100	Nguyễn Thị Trúc	Quy	22/04/2005	CCQ2321C	209	Quy	8,3	9.4	90
12	2123210183	Lục Như	Quỳnh	31/01/2005	CCQ2321D	357	Quỳnh	8,8	4.4	62
13	2123210184	Phạm Công	Sinh	28/02/2005	CCQ2321C	485	Sinh	8,4	7.4	78
14	2123210146	Trần Thị Hoàng	Thơ	06/03/2005	CCQ2321D	132	Thơ	9,1	9.2	92
15	2123210089	Lê Thị Ý	Thơm	06/12/2005	CCQ2321C	485	Thơm	9,4	9.0	92
16	2123210186	Bùi Thị Phương	Thư	28/06/2005	CCQ2321D	357	Thư	9,1	7.4	81
17	2123210107	Lữ Anh	Thư	19/01/2005	CCQ2321C	209	Thư	9,0	5.4	68
18	2123210113	Trần Đặng Mỹ	Thư	06/04/2005	CCQ2321D	132	Thư	9,1	9.4	93
19	2123210093	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	23/02/2005	CCQ2321C	485	Thúy	8,6	8.0	82
20	2123210077	Danh Thị Cẩm	Tiên	03/05/2005	CCQ2321C	357	Tiên	9,3	8.0	85
21	2123210120	Lê Ngọc	Trâm	20/05/2005	CCQ2321D	209	Trâm	9,1	6.8	77
22	2123210127	Nguyễn Diệu	Trân	04/03/2005	CCQ2321D	132	Trân	8,6	7.0	76
23	2123210141	Nguyễn Văn	Trí	03/03/2005	CCQ2321D	209	Trí	8,9	4.4	62
24	2123210128	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	13/04/2005	CCQ2321D	357	Trúc	8,5	7.0	76
25	2123210123	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	15/07/2005	CCQ2321D	485	Trúc	9,1	6.4	75
26	2123210090	Nguyễn Thanh	Tuyền	01/09/2005	CCQ2321C	132	Tuyền	8,8	9.2	90
27	2123210138	Phan Thị Như	Uyển	28/04/2005	CCQ2321D	209	Uyển	8,3	8.8	86
28	2123210096	Phan Chí	Vĩ	28/03/2005	CCQ2321C	357	Vĩ	8,3	6.2	70

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ sản xuất bánh kẹo
(23036803)

Ngày thi: 07/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A402

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

17/11/4
VITN Dug
18/000
Đào Thị
Thủy Thi
Tổng Phan
Đuy Phước
88
Trần Hoàng
Nguyễn

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123210122	Nguyễn Thị	Xuân	21/11/2005	CCQ2321D	357	<i>Vian</i>	8,5	6,2	7,1	
30	2123210114	Huỳnh Ngọc Như	Ỡ	05/05/2005	CCQ2321D	209	<i>Ỡ</i>	9,0	8,2	8,5	
31	2123210087	Trần Thị Như	Ỡ	31/08/2005	CCQ2321C	132	<i>Thy</i>	8,9	8,8	8,8	
32	2123210134	Nguyễn Thị Mỹ	Ỡ	19/01/2005	CCQ2321D	485	<i>Ỡ</i>	9,1	9,6	9,4	

Lớp: CCQ 230 368 03
Đau = 63/63 = 100%
Rất = 0/63 = 0%

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ sản xuất bánh kẹo
(23036805)

Ngày thi: 07/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 28

Số bài thi:2..8.

Số tờ giấy thi: 3..8..

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123210168	Trương Hoàng	Đạt	06/07/2005	CCQ2321E	357		9,4	6,0	7,4	
2	2123210181	Trương Đông	Du	09/02/2005	CCQ2321E	209		4,6	5,6	5,2	
3	2123210193	Nguyễn Trọng	Đức	10/04/2004	CCQ2321E			0,0			
4	2123210191	Trịnh Vũ	Duy	03/06/2004	CCQ2321E	132		9,2	8,6	8,8	
5	2123210190	Lê Thị	Duyên	28/11/2003	CCQ2321E	485		8,6	9,8	9,3	
6	2123210170	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	21/06/2005	CCQ2321E	357		8,2	9,6	9,0	
7	2123210169	Phạm Thị Mỹ	Giàu	23/11/2005	CCQ2321E	209		8,6	7,8	8,1	
8	2123210176	Đỗ Ngọc Bảo	Hân	20/08/2005	CCQ2321E	485		8,0	7,2	7,5	
9	2123210155	Lê Nguyễn Bảo	Hân	07/04/2005	CCQ2321E	132		7,9	6,0	6,8	
10	2123210178	Lê Thúy	Hậu	20/02/2005	CCQ2321E	209		8,1	6,6	7,2	
11	2123210179	Nguyễn Thị Thu	Hiền	02/07/2005	CCQ2321E	357		9,8	9,0	9,3	
12	2123210163	Trần Minh	Hoàng	05/10/2005	CCQ2321E	485		8,2	6,2	7,0	
13	2123210175	Nguyễn Thị Thu	Hồng	18/06/2005	CCQ2321E	132		8,0	8,2	8,1	
14	2123210161	Huỳnh Minh	Khải	05/10/2005	CCQ2321E			0,0			
15	2123210154	Lâm Nguyễn Gia	Linh	17/05/2005	CCQ2321E	357		8,5	5,8	6,9	
16	2123210165	Hồ Trúc	Mai	03/04/2005	CCQ2321E	209		9,1	9,0	9,0	
17	2123210164	Phạm Huyền	My	05/05/2005	CCQ2321E	357		7,6	5,2	6,2	
18	2123210152	Ngô Thị Hồng	Mỹ	26/11/2004	CCQ2321E	485		7,7	8,4	8,1	
19	2123210174	Ninh Thành	Nam	03/12/2005	CCQ2321E			0,0			
20	2123210151	Nguyễn Trung	Nhân	06/03/2005	CCQ2321E	209		6,9	9,2	8,3	
21	2123210153	Trần Công	Quang	10/10/2005	CCQ2321E	132		7,0	8,0	7,6	
22	2123210173	Trần Ngọc Diễm	Quyên	15/10/2005	CCQ2321E	132		7,7	9,2	8,6	
23	2123210185	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	15/08/2005	CCQ2321E	485		8,0	8,6	8,4	
24	2123210167	Võ Thị Phương	Thanh	17/12/2005	CCQ2321E	132		8,2	7,4	7,7	
25	2123210150	Trương Ngọc	Thảo	26/12/2005	CCQ2321E	209		7,7	8,8	8,4	
26	2123210157	Dương Thị Kim	Thoả	23/10/2005	CCQ2321E	485		8,9	9,6	9,3	
27	2123210159	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/01/2005	CCQ2321E	357		8,7	7,6	8,0	
28	2123210172	Nguyễn Đức	Trí	10/08/2005	CCQ2321E	485		8,0	8,0	8,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học: Công nghệ sản xuất bánh kẹo
(23036805)

Ngày thi: 07/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 28..

Số bài thi:28..

Số tờ giấy thi: 28.

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123210158	Mai Nguyễn Bảo	Trúc	25/01/2005	CCQ2321E	209	<i>Tu</i>	8,4	5,4	6,6	
30	2123210147	Võ Phi Mạnh	Tường	29/01/2005	CCQ2321E	132	<i>W</i>	4,7	6,2	5,6	
31	2123210192	Nguyễn Văn	Vinh	25/01/2005	CCQ2321E	357	<i>Vinh</i>	7,4	8,6	8,1	